

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Sơn, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng để Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi thực hiện Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 - Khu 115ha (Phương án 2 – Phần đất ở Khu dân cư Đồng Rươn, đợt 2)
Địa điểm: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Bình Sơn; Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bình Sơn;

Căn cứ Công văn số 7396/UBND-CNXD ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất;

Căn cứ Thông báo số 516/TB-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe, chỉ đạo giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án của Hòa Phát trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024);

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế, xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 80/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BQL ngày 18/6/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; Quyết định số 269/QĐ-BQL ngày 18/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi về Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tại Khu tái định cư Vạn Tường, xã Bình Hải phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Vạn Tường;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND huyện Bình Sơn, phê duyệt đơn giá cây cối, hoa màu không có trong bảng giá quy định hiện hành của UBND tỉnh để làm cơ sở lập phương án bồi thường dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; địa điểm: xã Bình Thuận, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định từ số/QĐ-UBND đến số/QĐ-UBND ngày/11/2023 của UBND huyện Bình Sơn về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân ở xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tại Tờ trình số 342/TTr-PTQĐ ngày 17/11/2023; đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 39/BCTĐ-TNMT ngày 21/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng để Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi thực hiện Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 - Khu 115ha (Phương án 2 – Phần đất ở Khu dân cư Đồng Rướn, đợt 2); địa điểm: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

1. Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng, lập PABT, HT:	8.250,0 m²
+ Diện tích đất được bồi thường:	6.150,0 m ²
+ Diện tích đất không được bồi thường:	2.100,0 m ²
2. Tổng số hồ sơ bồi thường, hỗ trợ:	58 hồ sơ
+ Hộ gia đình, cá nhân:	58 hồ sơ

3. Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 42.771.922.361 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng);

Trong đó:

3.1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp:	41.933.257.217	đồng
a. Bồi thường, hỗ trợ về đất	7.380.000.000	đồng
b. Bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc	27.071.888.145	đồng
c. Bồi thường về cây cối hoa màu	45.747.600	đồng
d. Các khoản hỗ trợ khác	7.435.621.472	đồng
3.2. Chi phí phục vụ BT, thẩm định (3.1 x 2%)	838.665.144	đồng
<i>(Chi tiết như phương án bồi thường, hỗ trợ đã thẩm định)</i>		

4. Nguồn kinh phí: Do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi phối hợp Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất chi trả (Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất tự nguyện ứng trước chi trả toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Công văn số 177/2018/HPDQ ngày 25/3/2018).

5. Tái định cư:

5.1. Tổng số hộ được tái định cư: 39 hộ/39 lô đất được bố trí tái định cư Điều 20 Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (cụ thể có Danh sách kèm theo).

5.2. Địa điểm tái định cư: Khu tái định cư Vạn Tường, xã Bình Hải.

5.3. Tổng tiền phải nộp tại nơi tái định cư là: **19.268.572.208 đồng**.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này là căn cứ để Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và Chủ đầu tư niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước;

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với khối lượng, hợp pháp theo quy định đối với từng nội dung đề nghị thẩm định phê duyệt.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm dự thảo Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi tiết gửi Phòng Tài nguyên và môi trường trình UBND huyện ban hành theo quy định; phối hợp với UBND xã Bình Thuận công khai giao Quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân đảm bảo đúng thời gian quy định; đồng thời, lập đầy đủ hồ sơ trình UBND huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) ban hành quyết định giao đất tái định cư và ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các cơ quan, đơn vị: Tài nguyên và Môi trường huyện, Tài chính – Kế hoạch huyện, Kinh tế và Hạ tầng huyện, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, UBND xã Bình Thuận, Giám đốc Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Q.Ngãi;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND:PCVP, CVTNMT;
- Website;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Dụng

**DANH SÁCH BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP SẢN
XUẤT GANG THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT 2 – KHU 115HA
(PHƯƠNG ÁN 2 - ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ ĐỒNG RƯỜN, ĐỢT 2)**

Địa điểm: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2023
của UBND huyện Bình Sơn)*

1. Các trường hợp được bố trí tái định cư theo khoản 1, Điều 20, Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (09 hộ/09 lô), cụ thể:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số thửa theo TBD	Số hiệu tờ bản đồ địa chính	Số tiền hộ dân phải nộp (đồng)	Khu tái định cư
1	Ông Nguyễn Vui và bà Phạm Thị Vân	xã Bình Thuận	K2.4.3.18	300,0	517	14	540.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
2	Ông Kiều Hà và bà Đỗ Thị Tâm	xã Bình Thuận	K2.4.3.16	300,0	515	14	540.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
3	Ông Nguyễn Văn Hòa và bà Võ Thị Tý	xã Bình Thuận	K2.4.3.15	300,0	514	14	540.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
4	Ông Nguyễn Hữu Tâm	xã Bình Thuận	K2.1.7.24	200,0	585	20	360.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
5	Bà Lê Thị Din	xã Bình Thuận	K2.4.3.13	300,0	512	14	540.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
6	Bà Nguyễn Thị Công	xã Bình Thuận	K2.4.3.17	300,0	516	14	540.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
7	Ông Nguyễn Lên và bà Nguyễn Thị Bé	xã Bình Thuận	K2.4.3.19	300,0	518	14	540.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
8	Bà Hồ Thị Hương	xã Bình Thuận	K2.2.3.10	200,85	662	20	482.040.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
9	Ông Nguyễn Văn Bình	xã Bình Thuận	K2.4.2.2	200,0	483	14	480.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
	Tổng			2.401			4.562.040.000	

2. Các trường hợp được bố trí tái định cư theo khoản 4, Điều 20, Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (30 hộ/30 lô), cụ thể:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số thửa theo TBD	Số hiệu tờ bản đồ địa chính	Số tiền hộ dân phải nộp (đồng)	Khu tái định cư
1	Hộ bà Võ Thị Guơng	xã Bình Thuận	K2.1.5.2.10	202,0	698	20	593.880.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
2	Hộ ông Nguyễn Trung và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	xã Bình Thuận	K2.3.3.23	149,63	540	14	429.093.780	Vạn Tường, xã Bình Hải

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m²)	Số thửa theo TBD	Số hiệu tờ bản đồ địa chính	Số tiền hộ dân phải nộp (đồng)	Khu tái định cư
3	Hộ bà Ngô Thị Thích	xã Bình Thuận	K2.1.6.15	242,0	544	20	580.800.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
4	Hộ ông Võ Thành Lực và bà Huỳnh Thị Hồng	xã Bình Thuận	K2.1.6.16	150,0	545	20	449.901.216	Vạn Tường, xã Bình Hải
5	Hộ ông Nguyễn Tuấn Hùng	xã Bình Thuận	K2.1.5.6	200,0	522	20	560.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
6	Hộ bà Nguyễn Thị Hạp	xã Bình Thuận	K2.1.6.26	150,0	555	20	367.772.400	Vạn Tường, xã Bình Hải
7	Hộ bà Bùi Thị Mân	xã Bình Thuận	K2.3.2.4	200,0	470	20	480.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
8	Hộ ông Bùi Văn Lai	xã Bình Thuận	K2.3.2.3	150,0	469	20	427.772.400	Vạn Tường, xã Bình Hải
9	Hộ ông Nguyễn Cai	xã Bình Thuận	K2.1.7.25	200,0	586	20	360.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
10	Hộ ông Nguyễn Thành và bà Nguyễn Thị Vân	xã Bình Thuận	K2.1.6.29	150,0	558	20	465.544.800	Vạn Tường, xã Bình Hải
11	Hộ ông Nguyễn Văn Hùng và bà Tu Thị Hương	xã Bình Thuận	K2.3.3.26	149,63	500	20	494.155.284	Vạn Tường, xã Bình Hải
12	Bà Huỳnh Thị Lệ Hiền	xã Bình Thuận	K2.3.3.19	149,63	536	14	359.112.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
13	Ông Nguyễn Huỳnh Khoa	xã Bình Thuận	K2.3.3.20	149,63	537	14	359.112.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
14	Hộ ông Trần Cơm	xã Bình Thuận	K2.3.1.24	200,00	466	20	560.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
15	Hộ ông Trần Văn Thành và bà Võ Thị Thu Trâm	xã Bình Thuận	K2.3.3.25	149,63	499	20	426.382.884	Vạn Tường, xã Bình Hải
16	Hộ ông Đinh Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Đến	xã Bình Thuận	K2.3.2.16	251,30	480	20	633.276.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
17	Hộ bà Đinh Thị Sương	xã Bình Thuận	K2.3.3.22	149,63	539	14	495.917.367	Vạn Tường, xã Bình Hải
18	Hộ ông Võ Quyết	xã Bình Thuận	K2.3.2.1	251,28	467	20	633.225.600	Vạn Tường, xã Bình Hải
19	Hộ ông Võ Văn Trí và bà Phạm Thị Lệ	xã Bình Thuận	K2.3.2.14	150,0	521	14	530.298.487	Vạn Tường, xã Bình Hải
20	Hộ ông Võ Văn Trinh và bà Kiều Thị Ngân	xã Bình Thuận	K2.3.2.2	150,0	468	20	530.298.487	Vạn Tường, xã Bình Hải
21	Hộ ông Nguyễn Nhàn	xã Bình Thuận	K2.1.8.1	201,64	590	20	592.821.600	Vạn Tường, xã Bình Hải
22	Hộ ông Nguyễn Văn Trúc	xã Bình Thuận	K2.1.8.2	150,0	591	20	429.995.335	Vạn Tường, xã Bình Hải
23	Hộ ông Nguyễn Pháp	xã Bình Thuận	K2.1.7.4	200,0	565	20	560.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
24	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	xã Bình Thuận	K2.1.6.31	150,0	560	20	465.544.800	Vạn Tường, xã Bình Hải

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m2)	Số thửa theo TBD	Số hiệu tờ bản đồ địa chính	Số tiền hộ dân phải nộp (đồng)	Khu tái định cư
25	Hộ bà Nguyễn Thị Hoàng	xã Bình Thuận	K2.1.6.30	150,0	559	20	465.544.800	Vạn Tường, xã Bình Hải
26	Hộ ông Nguyễn Beo và bà Nguyễn Thị Nguyệt	xã Bình Thuận	K2.3.1.18	200,0	460	20	560.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
27	Hộ bà Nguyễn Thị Nhi	xã Bình Thuận	K2.3.3.31	149,63	505	20	426.382.884	Vạn Tường, xã Bình Hải
28	Hộ bà Phạm Thị Tới (Chồng Nguyễn Cục - chết)	xã Bình Thuận	K2.3.2.10	200,0	476	20	480.000.000	Vạn Tường, xã Bình Hải
29	Hộ ông Nguyễn Văn Hoa và bà Võ Thị Sang	xã Bình Thuận	K2.3.3.18	149,63	535	14	494.155.284	Vạn Tường, xã Bình Hải
30	Hộ ông Nguyễn Văn Tường và bà Nguyễn Thị Tụ	xã Bình Thuận	K2.1.8.4	150,0	593	20	495.544.800	Vạn Tường, xã Bình Hải
				5.245			14.706.532.208	